

Số: *1901* /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *07* tháng *10* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 3 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số *653* /TTr-TNMT ngày *04/10/2021*.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Tình – Cư trú tại: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 49.046.419 đồng.  
(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm mười chín đồng)

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.



- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đông Phong.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Tình có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đông Phong, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 3**

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc  
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).**

Kèm theo Quyết định số: **1901** /QĐ-UBND ngày **07** tháng **10** năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>1</b>	<b>Đối với hộ ông Nguyễn Xuân Tình</b>				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>49.046.419</b>
<b>a</b>	<b>Về Tài sản vật kiến trúc: do ông Nguyễn Xuân Tình xây dựng trên trước kế hoạch sử dụng đất và không bị lập biên bản vi phạm về xây dựng</b>				<b>37.870.019</b>
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (4*5,2)	m <sup>2</sup>	20,8	334.400	6.955.520
2	Nhà khung cột gỗ đường kính cột <20 cm (3,8*5,1)	m <sup>2</sup>	19,4	680.900	13.195.842
3	Mái lợp PRXM (6,1*3,4)*2	m <sup>2</sup>	41,5	46.200	1.916.376
4	Tường xây gạch bi tường 12cm (15*2)	m	30,0	127.600	3.828.000
5	Cửa gỗ tạm (1*1,85) tính bằng ghép gỗ quanh nhà	m <sup>2</sup>	1,9	110.000	203.500
6	Gỗ bung đầu hồi (3,5*6,5)	m <sup>2</sup>	22,8	110.000	2.502.500
7	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp PRXM nền lán VXM cao 2m (3,7*2,7)	m <sup>2</sup>	10,0	415.705	4.152.893
8	Cửa gỗ tạm (0,6*1,8) tính bằng ghép gỗ quanh nhà	m <sup>2</sup>	1,1	110.000	118.800
9	Cửa sổ sắt bung tôn (0,76*1)*2 cửa tính bằng mái lợp tôn	m <sup>2</sup>	1,5	57.000	86.640
10	Nền BT đá dăm dày 10 cm (6,1*4,7)	m <sup>2</sup>	28,7	83.600	2.396.812
11	Khung sắt lưới B40 (5,6*1,2)	m <sup>2</sup>	6,7	123.200	827.904
12	Khung sắt lưới B40 (0,84*2,5)	m <sup>2</sup>	2,1	123.200	258.720
13	Tôn quây (0,6*10)	m <sup>2</sup>	6,0	57.000	342.000
14	Tường xây gạch bi tường 12cm (1,6*2,2)	m <sup>2</sup>	3,5	127.600	449.152
15	Nền BT đá dăm dày 10cm (4*1,9)	m <sup>2</sup>	7,6	83.600	635.360
<b>b</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>11.176.400</b>
	<b>Bổ sung về cây cối</b>				
1	Cây lấy gỗ D = 60 cm, H =10 m (5 cây)	m <sup>3</sup>	14,1	480.000	6.782.400
2	Cây lấy gỗ D = 50 cm, H =10 m (7 cây)	m <sup>3</sup>	13,7	480.000	6.594.000
	<b>Hủy bỏ hạng mục cây cối đã được phê duyệt tại QĐ 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu</b>				



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Cây chầu D 60, H10m	cây	10	220.000	(2.200.000)



